

MINI TEST

Date: April 24th, 2025

Time: 15 minutes

Score: / 25

Full name: _____

Class : _____

Bài 1. Hoàn thành bảng từ vựng sau:

Words		Meaning
1.		tham gia vào cái gì đó
2. equator	n	
3.	v	cân cái gì đó, nặng ...
4. status	n	
5. identify	v	
6.	n	tín hiệu
7. warriors	n	
8. optimistic	adj	
9.	v	bị xuyên qua
10.	n	bản quyền thương hiệu
11. temporary	adj	
12. witness	v	

Bài 2. Sử dụng các từ vựng ở Bài 1 để hoàn thành các câu sau, chú ý chia động từ (nếu cần):

1. The red light in a traffic _____ indicates that drivers must stop. When it changes to green, they are allowed to go.
2. It is illegal to use someone else's _____ without permission.
3. Thomas gave an _____ speech, encouraging everyone to stay hopeful.
4. The elephant at the zoo _____ over 3,000 kilograms.
5. Susan _____ the robbery and called the police immediately.
6. Witnesses were able to _____ the suspect from a series of photos.
7. The _____ advanced into battle, fully prepared to defend their kingdom from the enemy.
8. After Megan got her nose _____, she had to clean it carefully every day.

Bài 3. Điền vào chỗ trống “been” hoặc “gone” sao cho phù hợp:

1. John isn't at home. He has _____ to the gym.
2. I don't need a guide, I've _____ to this temple a few times already.
3. My sister has _____ to the cinema with her friends. She'll be home late.
4. I have _____ to Italy twice. It's a beautiful country.
5. “Where is your teacher?” – “She has _____ to the office to print something.”